Mô hình Use case Phần mềm quản lí học sinh cấp 3

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

21424070 – Nguyễn Võ Quang Vinh

22424012 – Dương Thị Ánh Nguyệt

22424017 – Phạm Võ Thiện

22424021 - Lê Đạt Trường An

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 30/12/2023 | 1.0 | mô tả phiên bản tài liệu | Dương Thị Ánh Nguyệt |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc369450773)

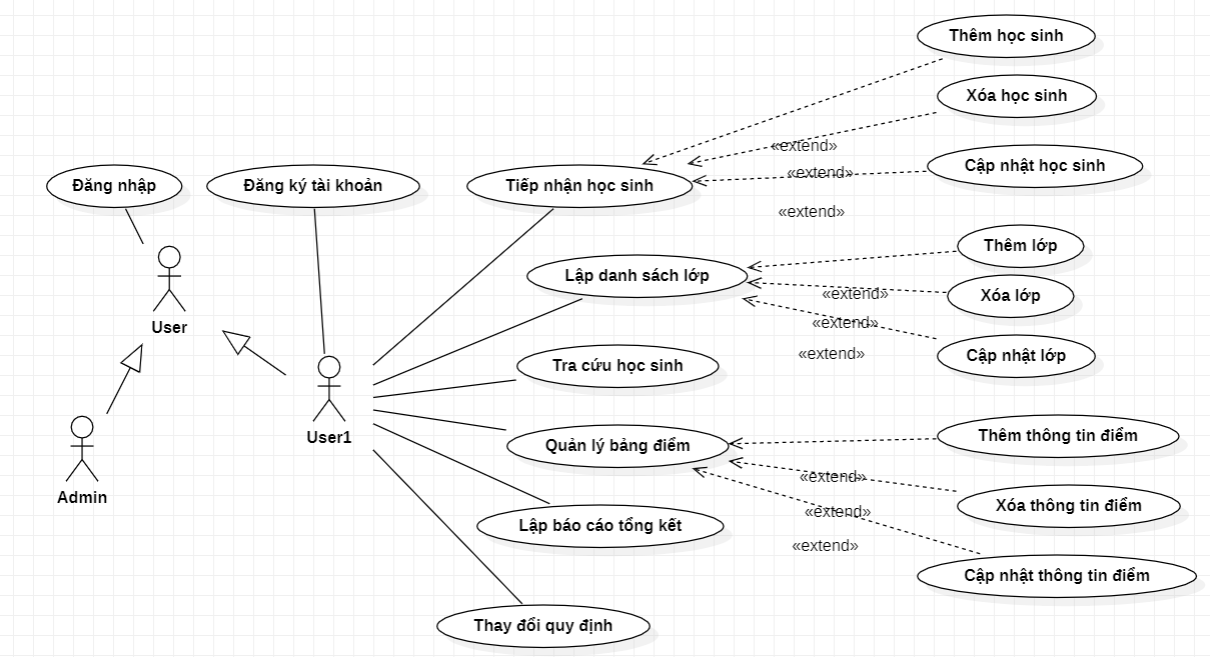
[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc369450774)

[3. Danh sách các Use-case 3](#_Toc369450775)

[4. Đặc tả Use-case 3](#_Toc369450776)

[4.1 Đặc tả Use-case “Tên Use-case” 3](#_Toc369450777)

# Sơ đồ Use-case



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | User1 | Người dùng hệ thống |
| 2 | Admin | Quản trị viên |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Đăng nhập | Chức năng đăng nhập hệ thống |
| 2 | Đăng ký tài khoản | Chức năng đăng ký tài khoản hệ thống |
| 3 | Tiếp nhận học sinh | Chức năng quản lý học sinh (xem thông tin) |
| 4 | Thêm học sinh | Chức năng quản lý học sinh (thêm) |
| 5 | Xóa học sinh | Chức năng quản lý học sinh (xóa) |
| 6 | Cập nhật học sinh | Chức năng quản lý học sinh (sửa) |
| 7 | Lập danh sách lớp | Chức năng quản lý lớp học (xem thông tin) |
| 8 | Thêm lớp | Chức năng quản lý lớp học (thêm) |
| 9 | Xóa lớp | Chức năng quản lý lớp học (xóa) |
| 10 | Cập nhật lớp | Chức năng quản lý lớp học (sửa) |
| 11 | Tra cứu học sinh | Chức năng tra cứu học sinh theo tên hoặc mã số |
| 12 | Quản lý bảng điểm | Chức năng quản lý bảng điểm (xem thông tin) |
| 13 | Thêm thông tin điểm | Chức năng quản lý bảng điểm (thêm) |
| 14 | Xóa thông tin điểm | Chức năng quản lý bảng điểm (xóa) |
| 15 | Cập nhật thông tin điểm | Chức năng quản lý bảng điểm (sửa) |
| 16 | Lập báo cáo tổng kết | Chức năng hiển thị báo cáo theo học kỳ và xuất báo cáo |
| 17 | Thay đổi quy định | Chức năng thay đổi các quy định |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case “Đăng nhập”

### Tóm tắt

*Người dùng và quản trị viên sử dụng use-case đăng nhập. Thực hiện chức năng đăng nhập vào hệ thống và để sử dụng các chức năng khác của hệ thống*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính*

*Nên đánh số thứ tự các bước trong dòng sự kiện chính*

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập |
| 2 | Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu |
| 3 | Hệ thống hiển thị kiểm tra thông tin đăng nhập |
| 4 | Nếu thành công hệ thống hiển thị thông báo thành công và di chuyển đến màn hình các chức năng chính. |
| 5 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”*

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)*

*Không có*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).*

*Use case thành công: hệ thống trả về màn hình chính danh sách các chức năng.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Mô tả những tình huống xuất hiện các Use-case khác có quan hệ <<extend>> với Use-case đang xét.*

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Đăng ký tài khoản”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case đăng ký tài khoản. Thực hiện chức năng đăng ký tài khoản để sử dụng hệ thống.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình đăng ký |
| 2 | Người dùng nhập tên đăng nhập, mật khẩu, xác nhận mật khẩu |
| 3 | Hệ thống hiển thị kiểm tra thông tin đăng ký |
| 4 | Nếu thành công hệ thống hiển thị thông báo đăng ký tài khoản thành công |
| 5 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Không có*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống trả về thông báo thành công.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Tiếp nhận học sinh”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case tiếp nhận học sinh. Thực hiện chức năng quản lý thông tin học sinh (xem danh sách thông tin học sinh).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý thông tin học sinh |
| 2 | Hệ thống hiển thị màn hình chức năng quản lý thông tin học sinh |
| 3 | Kết thức use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống trả về màn hình quản lý học sinh với danh sách thông tin học sinh.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Use case thêm học sinh: khi người dùng chọn thêm mới thông tin học sinh*

*Use case xóa học sinh: khi người dùng chọn xóa thông tin một học sinh*

*Use case sửa học sinh: khi người dùng chọn sửa thông tin một học sinh*

## Đặc tả Use-case “Thêm học sinh”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case thêm học sinh. Thực hiện chức năng quản lý thông tin học sinh (thêm thông tin học sinh).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình chức năng thêm thông tin học sinh |
| 2 | Người dùng nhập thông tin học sinh |
| 3 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 4 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo thêm thành công, ngược lại là thông báo lỗi |
| 5 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công và quay về màn hình quản lý học sinh với danh sách thông tin học sinh*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Xóa học sinh”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case thêm học sinh. Thực hiện chức năng quản lý thông tin học sinh (xóa thông tin học sinh).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình chức năng thêm thông tin học sinh |
| 2 | Người dùng chọn học sinh cần xóa và chọn xóa |
| 3 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 4 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo xóa thành công, ngược lại là thông báo lỗi |
| 5 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công và quay màn về hình quản lý học sinh với danh sách thông tin học sinh*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Lập danh sách lớp”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case lập danh sách lớp học. Thực hiện chức năng quản lý thông tin lớp học (xem danh sách lớp học).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý thông tin lớp học |
| 2 | Hệ thống hiển thị màn hình chức năng quản lý thông tin lớp học với danh sách lớp học hiện tại. |
| 3 | Kết thức use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống trả về màn hình quản lý lớp học với danh sách thông tin lớp học.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Use case thêm thông tin lớp học: khi người dùng chọn thêm mới lớp học*

*Use case xóa thông tin lớp học: khi người dùng chọn xóa thông tin lớp học*

*Use case cập nhật thông tin lớp học: khi người dùng chọn cập nhật thông tin một lớp học*

## Đặc tả Use-case “Lập danh sách lớp”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case lập danh sách lớp học. Thực hiện chức năng quản lý thông tin lớp học (xem danh sách lớp học).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý thông tin lớp học |
| 2 | Hệ thống hiển thị màn hình chức năng quản lý thông tin lớp học với danh sách lớp học hiện tại. |
| 3 | Kết thức use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống trả về màn hình quản lý lớp học với danh sách thông tin lớp học.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Use case thêm thông tin lớp học: khi người dùng chọn thêm mới lớp học*

*Use case xóa thông tin lớp học: khi người dùng chọn xóa thông tin lớp học*

*Use case cập nhật thông tin lớp học: khi người dùng chọn cập nhật thông tin một lớp học*

## Đặc tả Use-case “Thêm lớp học”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case thêm thông tin lớp học. Thực hiện chức năng quản lý thông tin lớp học (thêm thông tin lớp học).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình chức năng thêm thông tin lớp học |
| 2 | Người dùng nhập thông tin lớp học |
| 3 | Người dùng lập danh sách học sinh bằng cách chọn từ danh sách những học sinh chưa có lớp. |
| 4 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 5 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo thêm thành công, ngược lại là thông báo lỗi |
| 6 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công và quay về màn hình quản lý lớp học với danh sách thông tin các lớp học*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Xóa lớp học”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case xóa lớp học. Thực hiện chức năng quản lý thông tin lớp học (xóa thông tin lớp học).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình danh sách thông tin lớp học |
| 2 | Người dùng chọn lớp học cần xóa, nhấn xóa |
| 3 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 4 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo thêm thành công, ngược lại là thông báo lỗi |
| 5 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công và quay về màn hình quản lý lớp học với danh sách thông tin các lớp học*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Sửa thông tin lớp học”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case cập nhật thông tin lớp học. Thực hiện chức năng quản lý thông tin lớp học (sửa thông tin lớp học).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình danh sách thông tin lớp học |
| 2 | Người dùng chọn lớp học cần cập nhật, nhấn sửa |
| 3 | Người dùng cập nhật thông tin cũng như thông tin danh sách học sinh |
| 4 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 5 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo thêm thành công, ngược lại là thông báo lỗi |
| 6 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công và quay về màn hình quản lý lớp học với danh sách thông tin các lớp học*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Tra cứu học sinh”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case tra cứu học sinh. Thực hiện chức năng tra cứu thông tin học sinh.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình chức năng tra cứu thông tin học sinh |
| 2 | Người dùng nhập thông tin cần tra (họ tên/mã số) |
| 5 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 6 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về danh sách thông tin học sinh tương ứng |
| 7 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công và hiển thị danh sách thông tin học sinh tương ứng.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Nhập bảng điểm môn”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case nhập bảng điểm môn. Thực hiện chức năng quản lý thông tin điểm (xem thông tin điểm).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Người dùng chọn chức năng quản lý thông tin điểm |
| 2 | Hệ thống hiển thị màn hình chức năng quản lý thông tin điểm học sinh |
| 3 | Người dùng chọn lớp, môn học, học kỳ |
| 4 | Hệ thống kiểm tra và trả về danh sách thông tin học sinh gồm điểm |
| 5 | Kết thức use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống trả về màn hình quản lý thông tin điểm*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Use case thêm thông tin lớp học: khi người dùng chọn thêm mới thông tin điểm*

*Use case xóa thông tin lớp học: khi người dùng chọn xóa thông tin điểm*

*Use case cập nhật thông tin lớp học: khi người dùng chọn cập nhật thông tin điểm*

## Đặc tả Use-case “Thêm thông tin điểm”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case thêm thông tin điểm. Thực hiện chức năng quản lý thông tin điểm (thêm thông tin điểm).*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình thêm thông tin điểm |
| 2 | Người dùng nhập thông tin điểm cho học sinh của một lớp học, học kỳ, môn học |
| 5 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 6 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo thành công. |
| 7 | Kết thúc use case. |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Xóa thông tin điểm”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case xóa thông tin điểm. Thực hiện chức năng xóa thông tin điểm của học sinh.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình danh sách thông tin lớp học |
| 2 | Người dùng chọn thông tin điểm cần xóa, nhấn xóa |
| 3 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 4 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo thông tin điểm đã xóa. |
| 5 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Cập nhật thông tin điểm”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case cập nhật thông tin điểm. Thực hiện chức năng cập nhật tin điểm của học sinh.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình danh sách thông tin điểm |
| 2 | Người dùng chọn học sinh cần cập nhật điểm, nhấn cập nhật |
| 3 | Người dùng cập nhật thông tin điểm học isnh |
| 4 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 5 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo thêm thành công, ngược lại là thông báo lỗi |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Lập báo cáo tổng kết”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case lập báo cáo tổng kết. Thực hiện chức năng lập báo cáo tổng kết học sinh.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình lập báo cáo tổng kết |
| 2 | Người dùng chọn thông tin lập báo cáo (học kỳ) |
| 5 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 6 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông tin báo cáo trong học kỳ. |
| 7 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công và thông tin báo cáo.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*

## Đặc tả Use-case “Thay đổi quy định”

### Tóm tắt

*Người dùng sử dụng use-case thay đổi quy định. Thực hiện chức năng lthay đổi quy định chung.*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

|  |  |
| --- | --- |
| 1 | Hệ thống hiển thị màn hình thay đổi quy định |
| 2 | Người dùng nhập hoặc chọn các thông tin cần thay đổi, sau đó chọn lưu thông tin. |
| 5 | Hệ thống kiểm tra thông tin |
| 6 | Nếu thành công hệ thống sẽ trả về thông báo thay đổi thành công. |
| 7 | Kết thúc use case |

#### Các dòng sự kiện khác

*Không có.*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Không có*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Hệ thống yêu cầu người dùng phải đăng nhập trước đó.*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Use case thành công: hệ thống thông báo thành công.*

*Use case thất bại: hệ thống trả về thông báo lỗi.*

### Điểm mở rộng

*Không có.*